

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-PT
Ngày: 12 - 01 - 2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 233/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 592/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh B**, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện A, Tiền Giang

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện A, Tiền Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Hoàng Thị F**, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã G, huyện A, tỉnh Tiền Giang

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Huỳnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Huỳnh B trình bày:

Chị có cho chị Nguyễn Thị C tham gia hội do chị làm đầu thảo, chị C tham gia nhiều dây hội và đã hốt nhưng không đóng hội chết đầy đủ cho chị nên năm 2016 chị đã khởi kiện chị C. Tại bản án số 222/2017/DSST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A xét xử đã buộc chị C trả cho chị tổng số tiền là 274.000.000 đồng của các dây hội tính đến ngày 09/6/2016 (do có một số dây hội chưa mãn). Sau đó các dây hội đã mãn mà chị C cũng không trả tiền thiếu và cũng không đóng đầy đủ cho chị nên chị tiếp tục khởi kiện. Theo bản án trên thì dây thứ 2 và thứ 5 chị rút lại yêu cầu, các dây hội còn lại thì chỉ giải quyết một phần. Nay chị tiếp tục khởi kiện dây thứ 2 và thứ 5, các dây khác thì yêu cầu trả hết phần còn thiếu, cụ thể như sau:

Dây 1: hội mùa 2.000.000đồng (03 tháng khai 01 lần), khai ngày 10/02/2012, giao ngày 25/02/2012 gồm 27 phần, mãn tháng 6/2018, chị C tham gia 02 phần. Sau khi hốt hết 02 phần hội, chị C đóng hội chết mỗi kỳ là 4.000.000đồng nhưng chỉ đóng hội chết đến tháng 3/2015 thì ngưng không đóng nữa. Tính đến mãn chị C còn nợ là 14 kỳ, Tòa án đã giải quyết 07 kỳ nên nay còn nợ lại 07 kỳ là 28.000.000đồng.

Dây 2: hội 500.000đ/tháng, khai 02 dây cùng ngày 10/5/2012, mỗi dây gồm 40 phần, mãn hội tháng 7/2015, chị C tham gia 08 phần (mỗi dây 04 phần). Sau khi hốt hết 08 phần hội, chị C đóng hội chết mỗi tháng là 4.000.000 đồng nhưng chỉ đóng đến tháng 2/2015 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 06 tháng là 24.000.000 đồng. Dây hội này chị C nói có chơi dùm chị F nên lần hốt ngày 10/6/2013 chị ghi chị C nhận dùm chị F.

Dây 5: hội 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, khai 02 dây cùng ngày 15/12/2012, mỗi dây gồm 31 phần, mãn hội tháng 6/2015, chị C tham gia 04 phần. Sau khi hốt hết 04 phần thì chị C đóng hội chết mỗi tháng là 4.000.000 đồng nhưng chỉ đóng đến tháng 2/2015 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 04 tháng là 16.000.000 đồng. Dây hội này chị C có nói chơi dùm chị F nên lần hốt ngày 25/8/2013 chị ghi biên nhận là chị C nhận dùm chị F.

Dây 7: hội 2.000.000 đồng, 03 tháng (hội mùa) khai một lần, khai ngày 20/5/2013 gồm 23 phần, mãn hội tháng 11/2018, chị C tham gia 03 phần. Sau khi hốt hết 03 phần thì chị C đóng hội chết mỗi kỳ là 6.000.000 đồng nhưng chỉ đóng đến tháng 3/2015 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại là 16 kỳ, Tòa án đã giải quyết 07 kỳ nên nay còn lại 09 kỳ là 54.000.000 đồng.

Dây 8: hội 2.000.000 đồng, 03 tháng khai một lần, khai ngày 30/3/2011, gồm 26 phần, mãn hội tháng 5/2017, chị C tham gia 02 phần. Sau khi hốt hết 02 phần thì chị C đóng hội chết mỗi kỳ là 4.000.000 đồng nhưng chỉ đóng đến tháng 2/2015 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại là 10 kỳ, Tòa án đã giải quyết 07 kỳ nên nay còn lại 03 kỳ là 12.000.000 đồng.

Tổng cộng chị C còn nợ tiền hội chết là 134.000.000 đồng, chị yêu cầu chị C trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Yêu cầu Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án trả lại đơn khởi kiện cho

nguyên đơn bởi các lý do: bản án dân sự sơ thẩm số 222/2017/DSST ngày 21/8/2017 đã xử buộc chị trả 274.000.000 đồng cho chị B đối với 11 dây hụi do chị B là chủ hụi, nay chị B khởi kiện đòi trả cho chị số tiền 134.000.000đ đối với 05 dây hụi do chị làm chủ, 05 dây hụi này nằm trong 11 dây hụi mà Tòa đã xử buộc chị phải trả cho chị B theo bản án nêu trên; cùng một số tiền hụi mà chị B yêu cầu trả hai lần thì chị không đồng ý vì yêu cầu của chị B là trái pháp luật. Về thời hiệu khởi kiện: các hợp đồng góp hụi xảy ra từ năm 2011, 2012, 2013 đến ngày 06/02/2020 Tòa án thụ lý vụ án nên thời hiệu khởi kiện là 03 năm không còn.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị F trình bày:*

Chị không có quen biết chị B nhưng biết chị C có tham gia hụi do chị B làm chủ nên có nhờ chị C chơi thêm phần cho chị nhưng để tên chị C, chị sẽ đóng tiền hụi cho chị C để chị C đóng hụi. Sau đó chị C đã tham gia cho chị một phần hụi 500.000 đồng, khai ngày 30/4/2012, giao hụi ngày 10/5/2012 hụi gồm 40 phần và một phần hụi 1.000.000 đồng khai ngày 15/8/2012, giao hụi ngày 25/8/2012, gồm 34 phần. Đến ngày 15/8/2013 chị C hốt phần hụi 1.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận chị lấy hụi chết, chị C lấy hụi sống, từ thời điểm chị đóng hụi đến khi hốt là 12.000.000 đồng, chị C hứa nhưng không giao tiền cho chị, còn lại hụi sống chị C phải đóng. Đến ngày 10/02/2015 chị B đến tìm chị hỏi sao chị C không đóng hụi, lúc này chị mới biết chị B và cũng biết chị C không đóng hụi, phần hụi 500.000 đồng cũng đã hốt vào ngày 10/6/2013 mà cũng không giao cho chị. Việc chị C tham gia hụi và thiếu tiền chị B thì chị C có trách nhiệm trả cho chị B vì chị không có trực tiếp tham gia hụi, việc thỏa thuận chơi hụi dùm chỉ là thỏa thuận giữa chị và chị C.

- Bản án sơ thẩm số: 233/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 5, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688, 429, 149, 471, 357 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh B.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện dây hụi thứ 2 khai ngày 10/5/2012 số tiền 24.000.000 đồng và dây hụi thứ 5 khai ngày 15/12/2012 số tiền 16.000.000 đồng do hết thời hiệu khởi kiện.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh B đối với dây hụi thứ 7 số tiền 18.000.000 đồng, dây thứ 8 số tiền 6.000.000 đồng. Tổng cộng là 24.000.000 đồng.

3. Buộc chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh B số tiền 70.000.000 đồng của dây hụi thứ 1, thứ 7 và thứ 8.

Kể từ ngày bà Trâm có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp chị C chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian

chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 24/8/2020, nguyên đơn chị Huỳnh B kháng cáo bản án sơ thẩm số 233/2020/DSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị C trả cho chị B tiền thiếu của 05 dây hụi với số tiền 134.000.000 đồng trong 05 dây hụi, chị C còn nợ chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Huỳnh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, đòi chị Nguyễn Thị C trả 134.000.000 đồng tiền hụi còn thiếu của 05 dây hụi. Chị C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên các đương sự không có sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Tòa sơ thẩm chấp nhận đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn để đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 2 phần hụi của dây hụi thứ hai và dây hụi thứ 5 là có căn cứ vì quan hệ nợ hụi là loại hợp đồng dân sự nếu có tranh chấp thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là 3 năm nhưng thời hạn mãn hụi đã quá 3 năm chị B mới khởi kiện nên hết thời hiệu khởi kiện. Đối với dây hụi thứ 8 thì tại bản án sơ thẩm số 222/2017/DSST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A ghi nhận hai bên đương sự xác định bà Vân tham gia hai phần hụi, sau khi hốt còn nợ bà Trâm 12.000.000 đồng nhưng án sơ thẩm lần này xác định bà Vân tham gia 1 phần nên xử bác là không phù hợp. Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của bà Trâm, sửa 1 phần quyết định án sơ thẩm buộc bà Vân trả tiếp 6.000.000 đồng của dây hụi thứ 8. Tổng cộng 76.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Nguyên đơn Huỳnh B đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Chị Hoàng Thị F có đơn xin vắng mặt, còn chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 và 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị F, chị C.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hui được tòa sơ thẩm xác định tranh chấp nợ hui là đúng với tính chất của vụ án và thuộc phạm vi, thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định tại các Điều 280 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

[3] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hui tổng cộng 134.000.000 đồng cụ thể là: chị C tham gia các dây hui do chị B làm chủ nhưng sau khi hốt hui chị C không đóng đầy đủ tiền hui, trước đó năm 2017, chị B đã kiện chị C, tại bản án số 222/2017/DSST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A xét xử đã buộc chị C trả cho chị tổng số tiền là 274.000.000 đồng của các dây hui tính đến ngày 09/6/2016 nên còn nợ lại các dây hui như sau:

Dây 1: hui 2.000.000đồng (03 tháng khai 01 lần), khai ngày 10/02/2012, giao ngày 25/02/2012 gồm 27 phần, mãn tháng 6/2018, chị C tham gia 02 phần. Sau khi hốt hết 02 phần hui, chị C đóng hui chết đến tháng 3/2015 thì ngưng không đóng nữa. Tính đến mãn chị C còn nợ là 14 kỳ, Tòa án đã giải quyết 07 kỳ nên nay còn nợ lại 07 kỳ là 28.000.000đồng.

Dây 2: hui 500.000đ/tháng, khai 02 dây cùng ngày 10/5/2012, mỗi dây gồm 40 phần, mãn hui tháng 7/2015, chị C tham gia 08 phần (mỗi dây 04 phần). Sau khi hốt hết 08 phần hui, chị C đóng hui chết mỗi tháng là 4.000.000 đồng nhưng chỉ đóng đến tháng 2/2015 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 06 tháng là 24.000.000 đồng. Dây hui này chị C nói có chơi dùm chị F nên lần hốt ngày 10/6/2013 chị ghi chị C nhận dùm chị F.

Dây 5: hui 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, khai 02 dây cùng ngày 15/12/2012, mỗi dây gồm 31 phần, mãn hui tháng 6/2015, chị C tham gia 04 phần. Sau khi hốt hết 04 phần thì chị C đóng hui chết mỗi tháng là 4.000.000 đồng nhưng chỉ đóng đến tháng 2/2015 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 04 tháng là 16.000.000 đồng. Dây hui này chị C có nói chơi dùm chị F nên lần hốt ngày 25/8/2013 chị ghi biên nhận là chị C nhận dùm chị F.

Dây 7: hui 2.000.000 đồng, 03 tháng (hui mùa) khai một lần, khai ngày 20/5/2013 gồm 23 phần, mãn hui tháng 11/2018, chị C tham gia 03 phần. Sau khi hốt hết 03 phần thì chị C đóng hui chết mỗi kỳ là 6.000.000 đồng nhưng chỉ đóng đến tháng 3/2015 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại là 16 kỳ, Tòa án đã giải quyết 07 kỳ nên nay còn lại 09 kỳ là 54.000.000 đồng.

Dây 8: hui 2.000.000 đồng, 03 tháng khai một lần, khai ngày 30/3/2011, gồm 26 phần, mãn hui tháng 5/2017, chị C tham gia 02 phần. Sau khi hốt hết 02 phần thì chị C đóng hui chết mỗi kỳ là 4.000.000 đồng nhưng chỉ đóng đến tháng 2/2015 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại là 10 kỳ, Tòa án đã giải quyết 07 kỳ nên nay còn lại 03 kỳ là 12.000.000 đồng.

Chị C cho rằng các dây hui từ năm 2011, 2012, 2013 đến ngày chị B khởi kiện đã hết thời hiệu, đồng thời các dây hui này đã được giải quyết tại bản án số 222/2017/DSST ngày 21/8/2017 buộc chị trả 274.000.000 nên chị không đồng ý trả.

Bản án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với dây hụi thứ 2 với số tiền nợ 24.000.000 đồng và dây hụi thứ 5 với số tiền nợ 16.000.000 đồng do hết thời hiệu khởi kiện; không chấp nhận một phần dây hụi thứ 7 với số tiền 18.000.000 đồng và dây thứ 8 số tiền 6.000.000 đồng; buộc chị C trả cho chị B 28.000.000 đồng phần hụi dây 1, 36.000.000 đồng phần hụi dây 7 và 6.000.000 đồng phần hụi dây 8.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, chị B kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị buộc chị C trả 134.000.000 đồng tiền hụi của 05 dây hụi còn thiếu.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh B, nhận thấy:

[4.1] Tại bản án dân sự sơ thẩm số 222/2017/DSST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang và đơn khởi kiện ngày 25/12/2019, chị Huỳnh B khai: Chị là chủ hụi có cho chị Nguyễn Thị C tham gia dây hụi thứ 2 khai ngày 10/5/2012, mẫn hụi ngày 10/7/2015 và dây hụi thứ 5 khai ngày 15/12/2012 mẫn hụi ngày 15/6/2015 (bút lục 05 và 32). Cả hai dây hụi này chị C đã hốt nhưng không đóng hụi chết đầy đủ. Đến khi mẫn hụi chị C còn thiếu chị dây thứ hai là 24.000.000 đồng và dây thứ 5 là 16.000.000 đồng. Năm 2016, chị B khởi kiện yêu cầu chị C trả cho chị 02 phần nợ hụi này số tiền 40.000.000 đồng nhưng chị C không đồng ý nên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/8/2017 chị B rút lại yêu cầu này. Theo bản án số 222/2017/DSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện A đã “Quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc bà Huỳnh B yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả số tiền 40.000.000 đồng. Bà Huỳnh B có quyền khởi kiện lại yêu cầu này khi thời hiệu khởi kiện vẫn còn” (bút lục 02). Xét quan hệ góp hụi là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự khi có tranh chấp xảy ra thì các bên tham gia có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện tại Tòa án. Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 3 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm (Điều 429 Bộ luật dân sự). Dây hụi thứ hai đã mẫn ngày 10/7/2015 và dây hụi thứ 5 mẫn ngày 15/6/2015 mà chị C không đóng hụi chết cho chị B nên quyền lợi của chị B bị xâm phạm kể từ ngày đó và chị cũng biết nhưng đến cuối năm 2019 chị B mới khởi kiện yêu cầu chị C trả cho chị 02 khoản nợ hụi kể trên thì đã hết thời hiệu. Chị C cũng có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tòa sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 để đình chỉ giải quyết yêu cầu chị C trả tiền nợ hụi dây thứ 2 và dây thứ 5 cho chị B là có căn cứ đúng pháp luật nên giữ nguyên.

[4.2] Đối với dây hụi thứ 7 và thứ 8 chị B khởi kiện yêu cầu chị C trả 66.000.000 đồng nhưng Tòa sơ thẩm chỉ chấp nhận 1 phần yêu cầu buộc chị C trả cho chị B 42.000.000 đồng của dây hụi này là chưa phù hợp với tài liệu chứng cứ thể hiện vì phần dây hụi thứ 7: Chị B và chị C thống nhất dây hụi này

khui ngày 20/5/2013 gồm 23 phần mỗi phần 2.000.000 đồng, 03 tháng khai 01 lần.

Chị B khai chị C tham gia 3 phần đều đã hót, chị đã giao hụi cho chị C tại biên nhận ngày 05/6/2013 (bút lục 20), biên nhận ngày 05/9/2013 (bút lục 25) và biên nhận ngày 05/9/2014 (bút lục 28). Sau khi hót chị C đóng hụi chết cho chị B đến tháng 3/2015 thì ngưng, còn nợ chị 16 kỳ hụi chết. Tại bản án số 222/2017/DSST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A đã giải quyết buộc chị C trả chị 07 kỳ bằng 42.000.000 đồng, nay chị B yêu cầu chị C trả 09 kỳ còn lại bằng 54.000.000 đồng.

Đối với dây hụi thứ 8 có 26 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng 03 tháng khai 01 lần, khai lần đầu vào ngày 30/11/2011, chị C tham gia 02 phần đều đã hót và chị C đóng hụi chết đến tháng 02/2015 thì ngưng. Tính đến ngày mãn dây hụi này là tháng 5/2017 chị C còn nợ chị B 10 kỳ. Tại bản án số 222/2017/DSST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A đã giải quyết buộc chị C trả cho chị B 07 kỳ là 28.000.000 đồng. Nay chị B yêu cầu chị C trả 03 kỳ còn lại bằng 12.000.000 đồng.

Về phía chị C khai: Dây hụi thứ 7 chị tham gia 02 phần chứ không phải 3 phần vì biên nhận ngày 05/9/2014 (bút lục 28) là tiền mượn, không phải là tiền hụi. Tại bản án số 222/2017/DSST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A xử buộc chị trả cho chị B 07 kỳ của 3 phần hụi chị không kháng cáo nên chấp nhận. Nay chị yêu cầu tính lại cho chị còn nợ dây hụi này 02 phần thiếu bao nhiêu chị sẽ trả.

Đối với dây hụi thứ 8: Chị C thừa nhận tham gia 01 phần và chị đã hót còn nợ tiền hụi chết. Bản án trước (222/2017/DSST ngày 21/8/2017) xử buộc chị trả 07 kỳ của 02 phần hụi chị không kháng cáo nên chấp nhận. Nay chị yêu cầu tính lại phần hụi này chị tham gia 01 phần còn nợ bao nhiêu chị trả. Vì biên nhận ngày 15/9/2012 là tiền mượn, không phải là nợ hụi.

[4.3] Xét thấy vào thời điểm xét xử năm 2017 Tòa án nhân dân huyện A xác định chị C còn nợ chị B dây hụi thứ 7 khai ngày 20/5/2013 tổng số 16 phần hụi chết trong có 07 kỳ đã quá thời hạn đóng nên buộc trả, còn lại 09 phần chưa đến hạn nên chưa giải quyết nhưng đến nay thì dây hụi này cũng đã mãn, do đó chị B tiếp tục khởi kiện yêu cầu chị C trả 09 phần còn lại là 54.000.000 đồng.

Chị C khai nại dây hụi này chị tham gia 02 phần và đã hót, còn biên nhận ngày 05/9/2014 số tiền 34.000.000 đồng là tiền mượn không phải tiền hụi.

Tòa sơ thẩm nhận định biên nhận ngày 05/9/2014 ghi tiền mượn còn chị B khai là tiền hụi nhưng chị B không chứng minh được là tiền hụi. Do đó xác định chị C chỉ tham gia dây hụi này 02 phần, phần còn lại là tiền mượn. Do chị B không yêu cầu khởi kiện tiền vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tương tự như trên ở dây hụi thứ 8 vào năm 2017, Tòa án nhân dân huyện A xác định chị C còn nợ chị B dây hụi khai ngày 15/9/2012 và ngày 15/6/2013 là 10 kỳ hụi chết trong đó có 07 kỳ chết quá hạn buộc chị C trả 28.000.000 đồng

còn lại 03 kỳ chưa giải quyết nên chị B tiếp tục khởi kiện yêu cầu chị C trả 12.000.000 đồng.

Chị C khai nại đây hội khui ngày 30/8/2011 chị tham gia 01 phần đã hót và còn nợ hội chết, còn biên nhận ngày 15/9/2012 là tiền mượn.

Tòa sơ thẩm nhận định chị B không chứng minh được biên nhận ngày 15/9/2012 là tiền hội nên xem đó là tiền mượn, chỉ chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị B buộc chị C trả chị B 6.000.000 đồng.

[5] Xét nội dung phân tích và nhận định của Tòa sơ thẩm là không phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vì tại biên nhận ngày 05/9/2014 ghi “Hội 2.000.000 đồng ngày 05/9 trước 2014 23 phần tôi Nguyễn Thị Vân có mượn tổng số tiền là 34.000.000 đồng, 3 tháng trả 1 lần 2.000.000 đồng” (bút lục 28) và biên nhận ngày 15/9/2012 ghi “Ngày 15/9/2012 hội mùa 26 phần tôi Nguyễn Thị C có mượn của bà Huỳnh B tổng số tiền 38.000.000 đồng” (bút lục 15). Mặc dù hai biên nhận này đều có ghi từ “mượn” nhưng nội dung thể hiện là quan hệ tiền hội. Do đó có đủ cơ sở xác định 02 biên nhận trên là nợ hội như chị B khai.

Mặt khác Tòa sơ thẩm nhận định các biên nhận không phải nợ hội mà là tiền mượn do chị B không khởi kiện tiền vay nên Hội đồng xét xử không xem xét. Thế nhưng trong quyết định thì lại bác yêu cầu của chị B đòi chị C trả 24 triệu trong 2 biên nhận của 2 dây hội là mâu thuẫn với nhận định.

[6] Về thời gian đóng hội chết: Nguyên đơn xác định bị đơn ngưng đóng tháng 3/2015. Bị đơn thì cho rằng đã đóng hội chết cho nguyên đơn đến hết tháng 12/2015. Ngoài lời khai của hai bên, không ai đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tòa sơ thẩm xác định bị đơn đóng hội chết cho nguyên đơn đến tháng 03/2015 thì ngưng nên chấp nhận lời khai của nguyên đơn. Nội dung này không bị kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên mốc thời gian trên.

[7] Đối với dây hội thứ 1 chị B yêu cầu chị C trả 2 phần x 2.000.000 đồng x 07 kỳ = 28.000.000 đồng được Tòa sơ thẩm chấp nhận buộc chị B trả cho chị B 28.000.000 đồng. Dây hội này không bị kháng cáo kháng nghị nên giữ y.

Từ cơ sở phân tích và nhận định xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị B, sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 233/2020/DSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang. Buộc chị C trả cho chị B dây hội thứ 1 là 28.000.000 đồng, dây hội thứ 7 là 54.000.000 đồng dây hội, dây hội thứ 8 là 12.000.000 đồng. Tổng cộng 94.000.000 đồng.

[8] Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn được trả lại theo điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

Về phần nhận xét và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có nội dung phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Tòa án nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 2, 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh B. Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 233/2020/DSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 5, Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 184, điểm c và e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 688, khoản 2 Điều 149, Điều 429, Điều 471 và Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 17/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường và Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh B.

Buộc chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh B 94.000.0000 đồng tiền nợ hui (chín mươi bốn triệu đồng)

Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị C chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh B đòi chị Nguyễn Thị C trả tiền nợ hui đây thứ 2 khai ngày 10/5/2012 với số tiền 24.000.000 đồng và đây thứ 5 khai ngày 15/12/2012 với số tiền 16.000.000 đồng do thời hiệu khởi kiện đã hết.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị C phải chịu 4.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho chị Huỳnh B 3.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01834 ngày 05/02/2020 và biên lai thu số 0003136 ngày 27/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 12/01/2021, có mặt chị B, vắng mặt chị C, chị F.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải